

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Đường bao thôn 2, thị trấn An Lão**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3500/STNMT-CCBVMT ngày 30/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường bao thôn 2, thị trấn An Lão của UBND huyện An Lão;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường bao thôn 2, thị trấn An Lão đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1748/UBND ngày 05/12/2022 của UBND huyện An Lão;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1067/TTr-STNMT ngày 13/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường bao thôn 2, thị trấn An Lão (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện An Lão (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện An Lão;
- UBND thị trấn An Lão;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN ĐƯỜNG BAO THÔN 2, THỊ TRẤN AN LÃO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đường bao thôn 2, thị trấn An Lão.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND huyện An Lão.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: diện tích là 16.273,6 m² (không bao gồm hoạt động khai thác khoáng sản).

- Quy mô: Đầu tư xây dựng tuyến đường dài 827,73 m, bề rộng nền đường B = 16,0 m, kết cấu bê tông xi măng và cấp phối đồi, mái taluy trồng cỏ.

+ Điểm đầu giáp đường ĐT.629 tại Km 31+100 thuộc thôn 2, thị trấn An Lão.

+ Điểm cuối giáp với Trụ sở Công an huyện An Lão.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- San nền với diện tích 16.273,6 m².

- Xây dựng tuyến đường dài 827,73 m, trong đó: xây dựng mặt đường bằng bê tông xi măng dài 820 m; xây dựng mặt đường bằng đất cấp phối đồi dài 7,73 m.

- Hệ thống thoát nước ngang, hệ thống thoát nước dọc.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: bãi chứa nguyên vật liệu với diện tích khoảng 300 m², 02 bãi lưu chứa đất bóc phong hóa hữu cơ và xà bần tạm với tổng diện tích khoảng 500 m², nhà vệ sinh di động.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 4.446,5 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy

cơ gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ khu vực phía Tây dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng $1,08 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , H_2S , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 300 m^3 . Thành phần chủ yếu là thực bì, bùn đất,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng $31 \text{ kg}/\text{ngày}$.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng $4.539,65 \text{ m}^3$. Thành phần chủ yếu là đất, bùn.

- Xà bần từ quá trình phá dỡ tuyến đường bê tông xi măng hiện trạng tại Km 0+2,41m đến Km 0+191,35m của Dự án phát sinh với khối lượng khoảng $147,61 \text{ m}^3$.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng $20,5 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 26 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các

máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công tránh gây ngập úng cục bộ.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư và trên tuyến đường ĐT.629 với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đất bóc phong hóa hữu cơ và xà bần: bố trí 02 bãi lưu chứa tạm tại Km 0+300m với diện tích 300 m² và Km 0+680m với diện tích 200 m², sau đó được vận chuyển đến bãi thải tại khu vực đất đồi hoang thuộc khu phố 9, thị trấn An Lão có diện tích 4.200 m².

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Thi công hoàn thành các hạng mục san nền, hệ thống thoát nước trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án.

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

+ Khu dân cư hiện trạng phía Bắc giáp điểm đầu tuyến đường (tọa độ:1.616.685; 272.588);

+ Khu vực trung tâm dự án (tọa độ:1.616.487; 272.374).

- Thông số quan trắc: bụi, ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.